

Số: 2229/UBND-KTN

Bình Định, ngày 21 tháng 5 năm 2015

V/v sử dụng kinh phí chống dịch đã
giao dự toán năm 2015 để phòng trừ
rầy nâu và rầy lưng trắng trên lúa vụ
Đông Xuân 2014-2015

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 573/TTr-SNN ngày 5/3/2015 và đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 1428/STC-HCSN ngày 19/5/2015; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Đồng ý cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sử dụng nguồn kinh phí dự phòng chống dịch đã giao dự toán năm 2015 để chi cho công tác phòng trừ rầy nâu, rầy lưng trắng, đạo ôn trên lúa Đông Xuân 2014-2015 với dự toán kinh phí thực hiện là **211.005.000 đồng** (Hai trăm mười một triệu, không trăm lẻ năm nghìn đồng), trong đó:

- Dự toán kinh phí chi hỗ trợ xăng xe và bồi dưỡng cho cán bộ của Chi cục Bảo vệ thực vật và cán bộ các Trạm Bảo vệ thực vật huyện, thị xã đã tham gia kiểm tra, giám sát, trực phòng chống sâu bệnh hại lúa trong dịp Tết Ất Mùi 2015 với số tiền là 82.845.000 đồng;

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

- Dự toán kinh phí mua 30 kg thuốc Tango 800 WG dự phòng phòng chống sâu bệnh hại lúa trong trường hợp khẩn cấp với số tiền là 128.160.000 đồng (đơn giá 4.272 đồng/gói 01 gram).

Thủ trưởng các cơ quan liên quan triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Trần Thị Thu Hà;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Chi cục BVTV;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17 (10b)



Trần Thị Thu Hà

PHỤ LỤC

DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG TRỪ RẦY NẤU, RẦY LỪNG TRẮNG

LÚA ĐÔNG XUÂN NĂM 2014-2015

(kèm theo Văn bản số 229 /UBND-KTN ngày 24 /5/2015 của UBND tỉnh)

- Thời gian thực: ngày 15/02; 16/02; 17/02; 20/02; 21/02; 22/02; 23/02.

TT	Nội dung	Số km bình quân đi/ngày	Số người/ xe	Số ngày	Số xăng tiêu hao (20 km/lít)	Đơn giá xăng (đồng)	Thành tiền (đồng)
(a)	(b)	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)x(2)x(3)	(5)	(6)=(4)x(5)
I	Chi phí hỗ trợ xăng xe:						
1	Trạm BVTV Tuy Phước	63	5	4	63	16.000	1.008.000
2	Trạm BVTV An Nhơn	63	6	4	76	16.000	1.209.600
3	Trạm BVTV Phù Cát	107	5	7	187	16.000	2.996.000
4	Trạm BVTV Phù Mỹ	63	5	4	63	16.000	1.008.000
5	Trạm BVTV Hoài Nhơn	107	4	7	150	16.000	2.396.800
6	Trạm BVTV Hoài Ân	107	4	7	150	16.000	2.396.800
7	Trạm BVTV Tây Sơn	63	5	4	63	16.000	1.008.000
8	Trạm BVTV Vĩnh Thạnh	63	4	4	50	16.000	806.400
9	Trạm BVTV Vân Canh	63	4	4	50	16.000	806.400
10	Trạm BVTV An Lão	63	4	4	50	16.000	806.400
11	Văn Phòng Chi cục (09 người):						
	+ Nguyễn Tấn Phát + Lái xe (Phù Mỹ, Hoài Nhơn, An Lão), đi xe ô tô	300	1	7	298	16.000	4.762.800
	+ Đặng Quang Tám (Tuy Phước, An Nhơn, Vân Canh)	200	1	7	70	16.000	1.120.000
	+ Kiều Văn Cang (Phù Cát, An Nhơn, Vĩnh Thạnh)	200	1	7	70	16.000	1.120.000
	+ Cán bộ kỹ thuật (05 người)	150	5	7	263	16.000	4.200.000
	Cộng:						25.645.200
II	Tiền bồi dưỡng trực:	Số giờ	Số người	Số ngày	Tổng số ngày	Mức hỗ trợ	Thành tiền
(a)	(b)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)x(3)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Trạm BVTV Tuy Phước	6	5	4	20	200.000	4.000.000
2	Trạm BVTV An Nhơn	6	6	4	24	200.000	4.800.000
3	Trạm BVTV Phù Cát	6	5	7	35	200.000	7.000.000
4	Trạm BVTV Phù Mỹ	6	5	4	20	200.000	4.000.000
5	Trạm BVTV Hoài Nhơn	6	4	7	28	200.000	5.600.000
6	Trạm BVTV Hoài Ân	6	4	7	28	200.000	5.600.000
7	Trạm BVTV Tây Sơn	6	5	4	20	200.000	4.000.000
8	Trạm BVTV Vĩnh Thạnh	6	4	4	16	200.000	3.200.000
9	Trạm BVTV Vân Canh	6	4	4	16	200.000	3.200.000
10	Trạm BVTV An Lão	6	4	4	16	200.000	3.200.000
11	Văn Phòng Chi cục (09 người):						
	+ Nguyễn Tấn Phát (Phù Mỹ, Hoài Nhơn, An Lão)	6	1	7	7	200.000	1.400.000
	+ Đặng Quang Tám (Tuy Phước, An Nhơn, Vân Canh)	6	1	7	7	200.000	1.400.000
	+ Kiều Văn Cang (Phù Cát, An Nhơn, Vĩnh Thạnh)	6	1	7	7	200.000	1.400.000
	+ Cán bộ kỹ thuật (05 người) + 01 Lái xe	6	6	7	42	200.000	8.400.000
	Cộng:						57.200.000
	TỔNG CỘNG (I+II):						82.845.200
	LÀM TRÒN:						82.845.000